

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH THÁI NGUYÊN
**CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20/QĐ-CCQLCL

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 2 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2023

**CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM
SẢN VÀ THỦY SẢN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-CCQLCL ngày 06/02/2023 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản về việc phê duyệt dự toán ngân sách cho Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm thủy sản năm 2023.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp Chi cục.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2023 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản (nội dung chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các phòng Phòng Hành chính- Tổng hợp; Quản lý chất lượng và chế biến thương mại Nông sản; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật và huấn luyện nghiệp vụ chất lượng nông lâm thủy sản chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo CC;
- Các phòng, đơn vị thuộc CC;
- Lưu :VT, HCTH.



CHI CỤC TRƯỞNG



Vũ Văn Phán

Đơn vị: Chi cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản

PHỤ BIỂU CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 20/QĐ-CCQLCL ngày 10/02/2023 của

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản)

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Nội dung | Mã QHNS | Loại khoản | Trong đó | |
|-----------|--|----------------|----------------|----------------------|-----------|
| | | | | Văn phòng Chi cục | Trung tâm |
| I | Kinh phí quản lý nhà nước (không tự chủ) | 1100354 | 340.341 | 316.000.000 | |
| 1 | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm HC... | | | 153.000.000 | |
| 2 | Tiền công LDHD theo NĐ 161 | | 280.281 | 163.000.000 | |
| II | Kinh phí sự nghiệp (không tự chủ) | | | 9.678.000.000 | |
| 1 | Hỗ trợ chứng nhận VietGAP chè | | | 4.476.000.000 | |
| 2 | Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận VietGAP cây ăn quả | | | 1.110.000.000 | |
| 3 | Hỗ trợ chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP | | | 1.650.000.000 | |
| 4 | Kinh phí giám sát dư lượng chất độc hại trong nông sản | | | 250.000.000 | |
| 5 | Chi phí tuyên truyền, tập huấn | | | 76.000.000 | |
| 6 | Hỗ trợ vận hành phòng kiểm nghiệm ATTP | | | 150.000.000 | |
| 7 | Hỗ trợ xúc tiến thương mại | | | 320.000.000 | |
| 8 | Kinh phí chuyển đổi số năm 2023 | | | 1.646.000.000 | |
| | TỔNG CỘNG | | | 9.994.000.000 | |

Bằng chữ: Chín tỷ, chín trăm chín mươi bốn triệu đồng